

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/04/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+MRM	7:25	16+3	0+0		10+11	0+0	
2		RC6+RP1+BK14	7:25	6+15+0	0+0+0		1+16+5	-0+0+0	
3		PVD8+SAVR	7:25	13+5	0+0		9+10	0+0	ec225
4		RP3+MRM	9:25	19+0	0+0		1+20	0+0	
5		RP2+RC4+RP3	9:25	4+13+2	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
6		PVD8	9:25	19	0		18	0	ec225
7		RC8+RP1	11:25	5+12	0+0		3+19	0+0	
8		P11+BK9+RP3	11:25	2+2+12	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
9		RCDM+RC5+RC6	13:40	9+6+1	0+0+0		6+7+7	0+0+0	

TTBĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người RP1- về đi RCDM

2/ Đi về trong ngày RC5-4 ng, rc6-2ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC5 - MRM	CREW: QVIỆT - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1645	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG QUỐC VĂN	RC5	82	1	5			58	SGC	Vietnamese
2	LƯƠNG THẾ HAI	RC5	91	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	RC5						69	KH-THAC	Vietnamese
4	SMIRNOV SERGEI	RC5	83	1	3			96	KH-THAC	Russian
5	NGÔ HỮU HUY TU	RC5						75	KH-THAC	Vietnamese
6	KUROASOV VALERII	RC5						76	KH-THAC	Russian
7	TRANG NGỌC HÙNG	RC5	90	1	16			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH PHƯƠNG QUY	RC5	84	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TRUNG	RC5	87-88	2	11	2	40	79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG HUY	RC5	81	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
11	KIEU VĂN TUẤN	RC5	94	1	3			76	PSV	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC THĂNG	RC5	89	1	7			74	DK9	Vietnamese
13	TÔ HỮU THĂNG	RC5	92-93	2	14			81	DK9	Vietnamese
14	ĐỖ CÔNG TIỀN	RC5	79	1	10			75	ANTOAN	Vietnamese
15	NGÔ VĂN TÍNH	RC5	80	1	12			65	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG THĂNG LONG	RC5	85-86	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG	MRM	50	1	7			73	SEAMAP	Vietnamese
18	NGÔ XUÂN LƯƠNG	MRM	51	1	13	9	126	75	SEAMAP	Vietnamese
19	SEREBROV IGOR	MRM	49	1	10			78	VTB	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	16	1.155	16	125	2	40	10		
2	MRM	3	226	3	30	9	126	11		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.381</b>	<b>19</b>	<b>155</b>	<b>11</b>	<b>166</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.381</b>		<b>155</b>		<b>166</b>			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RC6 - RP1 - BK14	CREW: LTUẤN - DU'ONG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/1648		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI KIEN ĐỨC	RC6	75	1	6			90	SGC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET MINH HOANG	RC6						80	ANTOAN	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	71	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KIEM BAC	RC6	73-74	2	18	1	15	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HOANG THÔNG	RC6	72	1	20			85	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ GIA HOA	RC6	76	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
7	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	96	1	4			76	KH-THAC	Russian
8	HUYNH VĂN THUẬN	RP1	87-88	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	92	1	4	1	15	77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	85	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
12	TAO QUANG NGÂN	RP1	99	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN HUY	RP1	82	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN TRƯỜNG	RP1	83-84	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	93	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	86	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	91	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
18	LÝ XUÂN TRUNG	RP1	97-98	2	5			65	YTE	Vietnamese
19	VÕ HOÀI NAM	RP1	89-90	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	81	1	4			89	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ HỮU HÀ	RP1	94-95	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	6	469	6	55	1	15	1		
2	RP1	15	1.105	19	113	1	15	16		
3	BK14	0	0	0	0	2	30	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.574</b>	<b>25</b>	<b>168</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.574</b>		<b>168</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

BÙI HOÀNG DƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:40
B.CARD: VANG- 1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1638	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM QUANG VINH	PVD8	62	1	8			65	PVD LOGGI	Vietnamese
2	NGUYEN HUU CUONG	PVD8	92-93	2	21			77	PVD OFFSH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD8	96	1	5			72	PVD OFFSH	Vietnamese
4	TRAN AN NHANH	PVD8	86-87	2	17			61	HALLIBUR	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NGUYEN	PVD8	88-89	2	16			67	HALLIBUR	Vietnamese
6	IAN CRAIG BREETON	PVD8	91	1	8			92	PVD DD	British
7	VAN HUY THANH	PVD8	90	1	12			69	PVD OFFSH	Vietnamese
8	HOANG VAN MINH	PVD8	94	1	12			65	PVD OFFSH	Vietnamese
9	LƯƠNG QUỐC DŨNG	PVD8	98	1	7			72	PVD OFFSH	Vietnamese
10	HỒ HOÀNG ANH	PVD8	97	1	8			91	PVD OFFSH	Vietnamese
11	NGUYỄN THẠCH NGHĨA	PVD8	99	1	3			66	PVD OFFSH	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NHAN	PVD8	95	1	2			59	PVD OFFSH	Vietnamese
13	VŨ DUY THANH	PVD8	500	1	8			55	PVD OFFSH	Vietnamese
14	KOMARITSKIKH K.V	SAVR	54	1	10			98	KH-THAC	Russian
15	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	SAVR	60	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THÈ HỒI	SAVR	57	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LÊ	SAVR	58	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯỜNG HỒNG HAI	SAVR	59	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	911	16	127	0	0	9 + 4	CHUYEN 4 PVD8 - SAVR	
2	SAVR	5	388	5	51	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.299</b>	<b>21</b>	<b>178</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.299</b>		<b>178</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.477. KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI  
HÀ XUÂN TRƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO:RP3 - MRM	CREW: QVIỆT - TTRUNG - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1646	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	14	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVODCHENKOV N.V.	RP3	19	1	6			102	KH-THAC	Russian
3	PHẠM HỮU THANG	RP3	15	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	RP3	04	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	RP3	09	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH NGỌC BICH	RP3	05	1	7			74	YTE	Vietnamese
8	ĐỖ DUY TIỀN	RP3	21	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CÔNG	RP3	01	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH KIM	RP3	12-13	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN HIEN	RP3	20	1	6			53	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	11	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HUY	RP3	10	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THANH LONG	RP3	07	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	02	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	RP3	08	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUAN HUNG	RP3				3	40	70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THẾ PHONG	RP3	06	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	03	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	19	1.388	18	111	3	40	1		
2	MRM	0	0	0	0	0	0	20		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.388</b>	<b>18</b>	<b>111</b>	<b>3</b>	<b>40</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.388</b>		<b>111</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

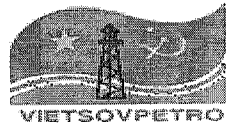
NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: <i>Cam - 2</i>	TO: RP2 - RC4 - RP3	CREW: LTUẤN - DƯƠNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1649	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HUY	RP2	38	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TRỌNG NHIÊN	RP2	40	1	15			58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NAM THẮNG	RP2	39	1	12			100	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG VŨ	RP2	41	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
5	THIỀU KIM TÂN	RC4	68-69	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT THANH	RC4						71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH DŨNG	RC4	73	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HAI ANH	RC4	66-67	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TOÀN	RC4	74	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC DŨNG	RC4	70	1	14			60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN HÙNG	RC4	71	1	8	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG AN	RC4	78	1	10			74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HIỀN	RC4	79	1	8	1	14	77	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TUẤN	RC4	75-77	3	16			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐẠT	RC4	83-84	2	12	2	36	64	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI DUY TÂN	RC4	81-82	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	72	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	36	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH HOÀI	RP3	35	1	6			108	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	4	303	4	55	0	0	0		
2	RC4	13	913	18	135	5	90	6		
3	RP3	2	164	2	10	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.380</b>	<b>24</b>	<b>200</b>	<b>5</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.380</b>		<b>200</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

BÙI HOÀNG DƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1639	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM KIM HUY	PVD8	18	1	7			69	PVD OFFSH	Vietnamese
2	HỒ CAO THUẬN	PVD8	86	1	9			82	PVD OFFSH	Vietnamese
3	LƯƠNG VĂN THỌ	PVD8	12	1	4			49	PVD OFFSH	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUẤN	PVD8	15-16	2	9			50	PVD OFFSH	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LINH	PVD8	13	1	6			57	PVD OFFSH	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG HAI	PVD8	06-07	2	10			82	PVD OFFSH	Vietnamese
7	TRƯỜNG CÔNG TOẠI	PVD8	14	1	7			69	PVD OFFSH	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HAI	PVD8	11	1	6			76	PVD OFFSH	Vietnamese
9	HA HUYNH XUÂN DIỆP	PVD8	19	1	9			73	PVD OFFSH	Vietnamese
10	LÊ VĂN TÙNG	PVD8	05	1	7			60	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU KHÔI	PVD8	08	1	4			55	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐO	PVD8	10	1	5			64	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THANH	PVD8	21	1	12			80	PSV	Vietnamese
14	DUYỆNG MẠNH QUYẾT	PVD8	20	1	11			80	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	PVD8	09	1	12			73	PVDWS	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TƯỜNG	PVD8	17	1	11			66	PVDWS	Vietnamese
17	BUI CHI CÔNG	PVD8	01,900	2	15			55	PVD OFFSH	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HIỆP	PVD8	02-04	3	15			57	PVD OFFSH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.197	23	159	0	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.197</b>	<b>23</b>	<b>159</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.197</b>		<b>159</b>		<b>0</b>			

GRAND TOTAL: 1.356 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI  
HÀ XUÂN TRƯỜNG



Fuel: 1600 kgc (pilot)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: RC8 - RP1	CREW: HÙNG - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1647	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIẾN TUỆ	RC8	91	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
2	VU QUANG TUYẾN	RC8	89	1	10			106	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN HUY	RC8	88	1	20	2	30	83	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN NAM	RC8	87	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ CÔNG TẠNH	RC8	90	1	5			62	PSV	Vietnamese
6	PHAN THÀNH CÔNG	RP1						57	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	68	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	67	1	10			105	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	71	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH DÙNG	RP1	72-73	2	7			86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA QUY	RP1	63	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN GIÁP TUẤT	RP1	74	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THUỘNG	RP1	75	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG HIỆU	RP1	65-66	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUY	RP1	69-70	2	20			58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH QUỐC TRƯỜNG	RP1	64	1	6			79	PSV	Vietnamese
17	HOANG VIỆT ANH	RP1	76	1	9			70	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG HIỆU	RP1	77-78	2	15			69	DUYLINH	Vietnamese
19	MOHAMACH SOLES	RP1	79	1	14			69	DUYLINH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	5	387	5	59	2	30	3		
2	RP1	14	992	17	139	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.379</b>	<b>22</b>	<b>198</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.379</b>		<b>198</b>		<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P11 - BK9 - RP3	CREW: DƯƠNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1650	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM TIỀN DŨNG	P11	55	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH DANH	P11	53-54	2	12			54	CODIEN	Vietnamese
3	BUI VĂN MINH	BK9	79-80	2	12	2	25	59	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THĂNG	BK9	77-78	2	21			67	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN ANH DŨNG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	RP3	89	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	86	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	87	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	88	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUYNH CUƠNG	RP3	90	1	16	1	11	76	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC KHÁNH	RP3	93	1	10	5	46	92	CODIEN	Vietnamese
13	ĐINH MAI THIÊN	RP3	94	1	12			71	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG SƠN	RP3	92	1	14			67	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG HỮU TRỌNG	RP3	95	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
16	HỒ NGỌC THANH	RP3	85	1	7			56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	2	122	3	23	0	0	1		
2	BK9	2	126	4	33	2	25	0		
3	RP3	12	860	10	96	6	57	21		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.108</b>	<b>17</b>	<b>152</b>	<b>8</b>	<b>82</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.108</b>		<b>152</b>		<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.342 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
MAI VĂN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: VANG-4	TO:RCDM - RC5 - RC6	CREW: HUNG - CHIEN - MQUAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9	VNHS FLIGHT: TM26/1651		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	95-96	2	8	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUY	RCDM	90	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC LINH	RCDM	94	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KIM THACH	RCDM	13-14	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO QUYET THANG	RCDM	93	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUY	RCDM	17	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC THINH	RCDM	55	1	11	1	13	68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DUC	RCDM	91	1	10	2	30	77	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM NGOC PHUONG	RCDM	15	1	12	1	32	73	CODIEN	Vietnamese
10	LE VAN DUONG	RC5	48,76	2	19			83	XAYLAP	Vietnamese
11	NGO TRUNG KIEN	RC5	65	1	10	1	13	72	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG DUC PHONG	RC5	63	1	10	1	11	85	XAYLAP	Vietnamese
13	LE XUAN VU	RC5	97	1	14			73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH DO	RC5	98-99	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
15	THOI QUOC TUAN	RC5	900	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
16	DINH VAN CONG	RC6	78-79	2	18			86	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	9	656	11	82	6	115	6		
2	RC5	6	443	8	77	2	24	7		
3	RC6	1	86	2	18	0	0	9		
TOTAL		16	1.185	21	177	8	139	22		
WEIGHT KG			1.185		177		139			

GRAND TOAL: 1.501 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

LE QUY HUNG

DO VAN CHIEN

